TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÌN HỒ
TỈNH LAI CHÂU
Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27/ 9/ 2024
Về việc: "Ly hôn, nuôi con chung"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÌN HỒ, TỈNH LAI CHÂU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Ông Phan Hồng Ngoãn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Giang.

Bà Nguyễn Thị Thu.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Hờ A Thái- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ tham gia phiên tòa:* bà Lê Ngọc Trang- Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân &Gia đình thụ lý số: 86/204/TLST- HN&GĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc: " Ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lò Thị D, sinh ngày: 07/02/2001; Địa chỉ: bản NĐ, xã NH, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu; có mặt.

2. Bị đơn: anh Lò Văn Nh, sinh ngày: 07/02/1998; Địa chỉ: bản NĐ, xã NH, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lò Thị D, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị D và anh Lò Văn Nhsau một thời gian tìm hiểu, đã đăng ký kết hôn vào ngày 14/9/2020 tại UBND xã Noong Hẻo, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, cưỡng ép hôn nhân. Sau khi

kết hôn chị D và anh Nhvề chung sống với nhau tại bản N Đ , xã N H , huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Thời gian đầu vợ chồng anh chị sống hòa thuận và hạnh phúc. Đến khoảng đầu tháng 3 năm 2022 thì xẩy ra mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên mắng nhau, nguyên nhân là do anh Lò Văn Nhkhông tu chí làm ăn, ngày nào cũng tụ tập bạn bè và sa vào tệ nạn xã hội (nghị nghiện ma túy). Do không chịu đựng được nên chị D đã bồng bế 02 con về nhà bố mẹ đẻ, để ở và sống ly thân với anh Nhơi, từ đầu tháng 3 năm 2022 cho đến nay. Mâu thuẫn giữa chị D và anh Nhđã được gia đình hai bên nội ngoại hòa giải nhưng không thể hòa thuận được với nhau. Hiện nay, tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh Nhkhông còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị Lò Thị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn Nhđể chấm dứt tình trạng hôn nhân như hiện nay.

Về con chung: chị D và anh Lò Văn Nh, có 02 con chung: cháu Lò Quang Trọng, sinh ngày 23/01/2017 và cháu Lò Quang T , sinh ngày 24/3/2020. Sau khi ly hôn, nguyện vọng của chị D, là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 cháu Lò Quang Tr và cháu Lò Quang T cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Tuy nhiên theo nguyện vọng của cháu Lò Quang Tr , mong muốn được ở với bố là anh Nhơi, nên chị D nhất trí theo nguyện vọng của cháu Tr ; Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Lò Thị D không yêu cầu anh Lò Văn Nhphải cấp dưỡng nuôi con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung; về khoản nợ chung: không có tài sản chung, khoản nợ vay chung nên chị D không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai, vào ngày 29/7/2024, anh Lò Văn Nh, trình bày: Trước khi kết hôn anh Nhvà chị Lò Thị D tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc, không bị ai lừa dối, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Noong Hẻo, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị làm nông nghiệp và phụ giúp gia đình. Thời gian chung sống, anh chị sống hạnh phúc. Đến năm 2022 vì chị D đi làm và không giữ mình, không loan chính, anh Nhkhông đánh đập và chưa được chính quyền hòa giải. Quan điểm của anh Nhlà đề nghị Tòa án đoàn tụ, vì gia đình anh chị còn có hai đứa con; Về con chung: anh Nhvà chị D, có 02 con chung: cháu Lò Quang Tr , sinh ngày 23/01/2017 và cháu Lò Quang T , sinh ngày 24/3/2020. Quan điểm và nguyện vọng của anh Nhơi, là muốn nuôi cháu Lò Quang Tr , cho đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về khoản nợ chung: không có tài sản chung, khoản nợ vay chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Ngoài ra, anh Lò Văn Nhcòn yêu cầu chị Lò Thị D, trả lại cho anh Nh , tiền sính lễ gồm: tiền mặt 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) và 01 vòng bạc trị giá 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) với lý

do chị D tự ly hôn anh Nhơi, do chị D đi làm không giữ mình nên anh Nhmuốn đòi lại sinh lễ để trả lại cho bố mẹ anh, tổng số tiền là 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng).

Theo ý kiến và nguyện vọng của cháu Lò Quang Tr , sinh ngày 23/01/2017, cháu Tr trình bày: Cháu biết bố mẹ cháu hiện không còn ở với nhau nữa, đến nay mẹ cháu đã làm đơn ly hôn xin ly hôn. Nguyện vọng của cháu là muốn được ở với bố và ông bà nội của cháu, vì ở với bố và ông bà nội cháu có nhiều người thân hơn. Do cháu phải đi học nên không lên được nên mong Tòa án xem xét cho cháu.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự theo quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 177, Điều 179 Bộ luật luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là chị Lò Thị D có mặt tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn anh Lò Văn Nhvắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58 và Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án. Đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lò Thị D, xử cho chị Lò Thị D được ly hôn với anh Lò Văn Nh. Quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị D và anh Lò Văn Nh, chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: chị D và anh Lò Văn Nh , có 02 con chung là: cháu Lò Quang Tr , sinh ngày 23/01/2017 và cháu Lò Quang T , sinh ngày 24/3/2020. Hiện tại cháu Lò Quang Tr , đang ở cùng với anh Lò Văn Nhvà ông bà nội; cháu Lò Quang T , sinh ngày 24/3/2020, đang ở cùng với chị Lò Thị D và ông bà ngoại. Để không ảnh hưởng đến tâm sinh lý của các cháu và đảm bảo quyền lợi chính đáng cho con chung, sau khi ly hôn được phát triển tốt nhất về cả thể chất lẫn tinh thần. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử: Giao cháu Lò Quang Tr

, sinh ngày 23/01/2017 cho anh Lò Văn Nh , là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Tr , cho đến khi cháu, trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; Giao cháu Lò Quang T cho chị Lò Thị D, là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Tuyến, cho đến khi cháu, trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng: chị D và anh Nh , không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết.

Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của các con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về tài sản chung; khoản nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết.

Đối với yêu cầu của anh Nhvề việc yêu cầu chị D trả lại tiền sính lễ, gồm tiền mặt: 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) và 01vòng bạc trị giá 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng), tổng số tiền là 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng). Với lý do chị D tự ly hôn anh Nhvà chị D đi làm không giữ mình nên anh Nhơi, muốn đòi lại sinh lễ để trả lại cho bố mẹ anh Nh . Xét thấy, đây là hợp đồng tặng cho tài sản giữa bố mẹ anh Nhvà gia đình chị D theo phong tục tập quán. Việc anh Nhđòi lại tiền sính lễ cho bố mẹ là không đúng thẩm quyền và không có căn cứ. Đây là một trong những tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình cần vận động xóa bỏ hoặc cấm áp dụng. Căn cứ Điều 457, Điều 458 Bộ Luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 126/2014/NĐ- CP, ngày 31/12/2014 của Chính phủ, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về án phí: chị Lò Thị D là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế- đặc biệt khó khăn và có đơn xin được miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử, miễn án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét đơn khởi kiện của chị Lò Thị D xác định đây là vụ án ly hôn theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Thời điểm chị Lò Thị D nộp đơn khởi kiện, anh Lò Văn Nhlà bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: bản NĐ, xã NH, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, theo quy

định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng cho chị Lò Thị D và anh Lò Văn Nh, theo quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 177, Điều 179 Bộ luật luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Lò Thị D và anh Lò Văn Nhkết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn, vào ngày 14/9/2020 tại UBND xã Noong Hẻo, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41, cấp ngày 14/9/2020. Do đó, Hội đồng xét xử, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị D và anh Lò Văn Nhlà hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị D và anh Nhhoà thuận, hạnh phúc, đến đầu 3 tháng năm 2022 thì vợ, chồng anh chị bắt đầu xẩy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Nhkhông tu chí làm ăn, hay tụ tập bạn bè và sa vào tệ nạn xã hội (nghị nghiện ma túy). Do không chịu đựng được nên chị D đã bồng bế 02 con về nhà bố mẹ đẻ, để ở và sống ly thân với anh Nhơi, từ đầu tháng 3 năm 2022 cho đến nay. Tình cảm vợ, chồng giữa chị Lò Thị D và anh Lò Văn Nhkhông còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị Lò Thị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn Nh, để chấm dứt tình trạng hôn nhân như hiện nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xét thấy anh Lò Văn Nhkhông có thiện chí hợp tác, không có yêu cầu phản tố, không đưa ra được các chứng cứ, biện pháp gì để cải thiện đời sống chung của vợ chồng. Hiện nay vợ, chồng chị D và anh Nhvẫn đang sống ly thân, không liên lạc và không còn quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ vợ, chồng chị D và anh Nhơi, chung sống với nhau mà không có hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, chị D vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn Nh . Vì vậy Hội đồng xét xử cần căn vào khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị D, cho chị Lò Thị D được ly hôn với anh Lò Văn Nh .

[3]. Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: chị D và anh Lò Văn Nh, có 02 con chung là cháu: Lò Quang Tr, sinh ngày 23/01/2017 và cháu Lò Quang T , sinh ngày 24/3/2020. Từ khi anh Nhvà chị D sống ly thân, cháu Lò Quang Tr, do anh Lò Văn Nhcùng với ông bà nội là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng và giáo dục cháu Trọng; cháu Lò Quang T , do chị Lò Thị D cùng ông bà ngoại, trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Hiện tại, các cháu đang học tập và sinh sống ổn định về thể chất và tinh thần. Nếu giao cháu Lò Quang Tr và cháu Lò Quang T cho chị D hoặc anh Nhmột mình, trông nom, nuôi dưỡng và giáo dục sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý của cả 02 cháu. Để không ảnh hưởng đến tâm sinh lý của các cháu và đảm bảo quyền lợi chính đáng cho con chung của anh chị. Sau khi ly hôn được phát triển tốt nhất về cả thể chất lẫn tinh thần cũng như theo nguyện vọng chính đáng của cháu Lò Quang Trọng và mong muốn của chị D cũng như anh Nhơi, đều là người muốn được chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Giao cháu Lò Quang Trọng, sinh ngày 23/01/2017 cho anh Lò Văn Nh, là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trọng, cho đến khi cháu, trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; Giao cháu Lò Quang Tuyến, sinh ngày 24/3/2020 cho chị Lò Thị D, là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Tuyến, cho đến khi cháu, trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng: chị D và anh Nhơi, không có ai yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết. Anh Lò Văn Nhvà chị Lò Thị D được quyền đi lại, thăm nom các con chung, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục các con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của các con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

[4]. Về tài sản chung; về khoản nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Đối với yêu cầu của bị đơn là anh Lò Văn Nhvề việc yêu cầu chị Lò Thị D, trả lại tiền sính lễ, bao gồm: tiền mặt 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) và 01 vòng bạc trị giá 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng), tổng số tiền là 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng). Với lý do chị D tự ly hôn anh Nhvà chị D đi làm không giữ mình nên anh Nhơi, muốn đòi lại sinh lễ để trả lại cho bố mẹ anh Nhơi. Xét thấy, đây là hợp đồng tặng cho tài sản giữa bố mẹ anh Nhvà gia đình chị D theo phong tục tập quán. Việc anh Nhđòi lại tiền sính lễ cho bố mẹ là không đúng thẩm quyền và không có căn cứ. Đây là một trong những tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình, cần vận động xóa bỏ hoặc cấm áp dụng. Căn cứ Điều 457, Điều 458 Bộ Luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 126/2014/NĐ-CP, ngày 31/12/2014 của Chính phủ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn chị Lò Thị D là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin được miễn án phí nên Hội đồng xét xử, tuyên miễn án phí Dân sự sơ thẩm đối với vụ án Hôn nhân và gia đình cho chị D theoquy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 và Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Lò Thị D.

Về quan hệ hôn nhân: Chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị D và anh Lò Văn Nh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41, do Uỷ ban nhân dân xã Noong Hẻo, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, cấp ngày 14/9/2020. Quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị D và anh Lò Văn Nh, chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Lò Quang Trọng, sinh ngày 23/01/2017 cho anh Lò Văn Nh, là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trọng, cho đến khi cháu, trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; Giao cháu Lò Quang T cho chị Lò Thị D, là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T , cho đến khi cháu, trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng: chị D và anh Nhơi, không có yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết. Anh Lò Văn Nhvà chị Lò Thị D là người không trực tiếp nuôi các con được quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của các con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về tài sản chung, khoản nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: chị Lò Thị D được miễn nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn là chị Lò Thị D, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Lò Văn Nhvắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Hồng Ngoãn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu
- VKSND huyện Sìn Hồ;
- Các đương sự;
- UBND xã Noong Hẻo;
- Chi cục THADS huyện Sìn Hồ;
- Lưu hồ sơ - TA.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu
- VKSND huyện Sìn Hồ;
- Các đương sự;
- UBND xã Noong Hẻo;
- Chi cục THADS huyện Sìn Hồ;
- Lưu hồ sơ - TA.

HỘI THẨM NHÂN DÂN